

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 03/2006/QĐ-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thành lập, di chuyển, nâng cấp, hạ cấp, giải thể trạm khí
tượng thủy văn**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 03 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khí tượng Thủy văn và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thành lập, di chuyển, nâng cấp, hạ cấp, giải thể trạm khí tượng thủy văn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Chỉ thị số 540/KTTV ngày 03 tháng 08 năm 1977 của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn về thủ tục xây dựng và di chuyển trạm khí tượng thủy văn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khí tượng Thủy văn, Vụ trưởng Vụ Khoa học -

Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Công Thành

QUY CHẾ

Thành lập, di chuyển, nâng cấp, hạ cấp, giải thể trạm khí tượng thủy văn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2006/QĐ-BTNMT ngày 17/03/2006

của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ tục, nội dung về việc thành lập, di chuyển, nâng cấp, hạ cấp và giải thể trạm khí tượng bề mặt, khí tượng nông nghiệp, khí tượng cao không, khí tượng hải văn và thủy văn (sau đây gọi chung là trạm khí tượng thủy văn) và việc tiếp nhận trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng vào mạng lưới trạm khí tượng thủy văn cơ bản.

2. Quy chế này áp dụng đối với trạm khí tượng thủy văn cơ bản do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý và trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng được tiếp nhận.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Trạm khí tượng thủy văn** là công trình để quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn, các yếu tố môi trường không khí và nước trên mặt đất, dưới nước, trên sông, hồ, biển và trên không.

2. **Trạm khí tượng thủy văn cơ bản** là trạm được Nhà nước đầu tư xây dựng, nhằm điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, khai thác ổn định, lâu dài phục vụ cho nhu cầu của xã hội.
3. **Trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng** là trạm do các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức kinh tế, quốc phòng, an ninh và cá nhân (gọi chung là Chủ công trình) xây dựng, quản lý, khai thác chủ yếu phục vụ mục đích, nhu cầu chuyên ngành.
4. **Loại trạm** là khái niệm để phân loại các trạm khí tượng thủy văn theo bộ môn mà trạm thực hiện quan trắc.
5. **Hạng trạm** là khái niệm chỉ cấp bậc của từng loại trạm, xác định trên cơ sở nhiệm vụ và yếu tố quan trắc của trạm, được quy định thống nhất đối với từng loại trạm.
6. **Thành lập trạm** là xây dựng mới trạm và triển khai hoạt động quan trắc tại một địa điểm mà trước đây chưa có trạm hoặc có trạm nhưng đã giải thể.
7. **Nâng cấp trạm** là tăng thêm nhiệm vụ hoặc yếu tố quan trắc cho trạm và nâng hạng trạm lên hạng cao hơn.
8. **Hạ cấp trạm** là giảm nhiệm vụ hoặc yếu tố quan trắc của trạm và hạ hạng trạm xuống hạng thấp hơn.
9. **Di chuyển trạm** là sự di chuyển toàn bộ trạm hoặc một số hạng mục công trình của trạm khỏi vị trí hiện đang hoạt động đến vị trí mới đã được lựa chọn.
10. **Giải thể trạm** là ngừng hẳn toàn bộ công việc quan trắc và chấm dứt mọi hoạt động khác của trạm.
11. **Công trình chuyên môn** là công trình để lắp đặt các thiết bị quan trắc hoặc phục vụ quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước.

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:
 - a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định di chuyển các trạm khí tượng thủy văn cơ bản thuộc loại đặc biệt và thuộc mạng lưới phát báo quốc tế theo Điều 11 Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn, Điều 3 và khoản 2 Điều 11 Nghị định 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

b) Phê duyệt chủ trương xây dựng trạm, vị trí đặt trạm; quyết định thành lập trạm; phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trạm (trừ các dự án đầu tư xây dựng trạm đã phân cấp cho Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia); quyết định đưa trạm mới xây dựng và công trình nâng cấp trạm vào hoạt động; quyết định nâng cấp, hạ cấp, giải thể đối với các trạm khí tượng thủy văn cơ bản;

c) Quyết định di chuyển các trạm khí tượng thủy văn cơ bản không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Quyết định tiếp nhận trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng vào mạng lưới trạm khí tượng thủy văn cơ bản.

2. Giám đốc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trạm khí tượng thủy văn cơ bản theo phân cấp.

Chương II

THÀNH LẬP TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CƠ BẢN

Điều 4. Nguyên tắc thành lập

1. Việc thành lập trạm khí tượng thủy văn cơ bản phải theo quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp chưa có trong quy hoạch nhưng cần thành lập trạm để đáp ứng yêu cầu mới phát sinh về điều tra cơ bản, cảnh báo, dự báo phục vụ, nghiên cứu khoa học và các yêu cầu khác của xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Điều 5. Yêu cầu chung về vị trí đặt trạm

1. Vị trí đặt trạm khí tượng thủy văn cơ bản phải có tính đại biểu cho khu vực hoặc lưu vực sông về điều kiện tự nhiên, khí tượng thủy văn, đặc biệt đối với các yếu tố khí tượng thủy văn mà trạm quan trắc; phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, được quy định trong các quy phạm quan trắc khí tượng thủy văn tương ứng.

2. Hành lang an toàn kỹ thuật của từng loại trạm khí tượng thủy văn phải thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định 24/CP ngày 19 tháng 03 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn.

3. Điều kiện về giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước; điều kiện về sinh hoạt, làm việc của quan trắc viên phải bảo đảm theo yêu cầu của từng loại trạm. Quy hoạch xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực không ảnh hưởng đến hoạt động sau này của trạm.

Điều 6. Trình tự thành lập trạm

Thành lập trạm khí tượng thủy văn cơ bản phải theo trình tự sau:

1. Khảo sát sơ bộ, xác định vị trí đặt trạm;
2. Thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền về vị trí đặt trạm;
3. Khảo sát kỹ thuật, xác định quy mô, kiểu loại công trình quan trắc;
4. Thẩm định, quyết định thành lập trạm của cấp có thẩm quyền;
5. Khảo sát, thiết kế, lập dự án đầu tư xây dựng trạm;
6. Thẩm định, phê duyệt dự án xây dựng trạm của cấp có thẩm quyền;
7. Xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị cho trạm;
8. Nghiệm thu kỹ thuật, vận hành thiết bị, quan trắc kiểm tra;
9. Quyết định đưa trạm vào hoạt động chính thức.

Điều 7. Khảo sát sơ bộ

1. Khảo sát chung, gồm các nội dung sau:
 - a) Khảo sát các điều kiện tự nhiên về địa hình, thổ nhưỡng, thảm thực vật, lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm, hướng gió thịnh hành, bão, lũ, lụt, môi trường xung quanh để xem xét, đánh giá tính đại biểu cho khu vực hoặc lưu vực sông dự kiến đặt trạm;
 - b) Khảo sát điều kiện bảo đảm về hành lang an toàn kỹ thuật của trạm;
 - c) Tìm hiểu, nắm vững tình hình quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tại khu vực dự kiến đặt trạm;
 - d) Khảo sát các điều kiện về sinh hoạt, giao thông, thông tin liên lạc, nguồn cung cấp điện và nước;
 - e) Xác định sơ bộ toạ độ, cao độ vị trí khu đất đặt trạm, vị trí dự kiến xây dựng công trình quan trắc;
 - f) Xin ý kiến của chính quyền địa phương về vị trí trạm đã khảo sát sơ bộ.